

Số: 22/2021/QĐST-HNGĐ

Nam Từ Liêm, ngày 25 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị S, sinh năm 1987

HKTT: Số nhà 11, ngõ 322/76, tổ dân phố số 12 N. M, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số nhà 14, ngõ 317 đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Phùng Hữu T, sinh năm 1983

HKTT và ở: Số nhà 11, ngõ 322/76, tổ dân phố số 12 N. M, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 147; Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/01/2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/01/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị S và anh Phùng Hữu T.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Đỗ Thị S và anh Phùng Hữu T có 02 con chung là Phùng Thị Vi A, sinh ngày 18/11/2010 và Phùng Gia B, sinh ngày 05/10/2013. Giao cháu Vi A cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Gia B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T và chị S được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị S phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S nộp thay toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh L, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai số AA/2018/0021161 ngày 13/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N. Chị S được hoàn lại 150.000 đồng án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.N;
- Các đương sự;
- UBND P.M 1, Q. N, TP.Hà Nội – GCNKH số 145, quyền số 01/2008 ngày 24/10/2008);
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Kim Thanh